

CÔNG TY CỔ PHẦN THỂ THAO NGÔI SAO GERU

Số 1/1 Tân Kỳ Tân Quý, Q.Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thể thao Ngôi sao GERU (gọi tắt là 'Công ty') trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thể thao Ngôi sao GERU hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4103004761, đăng ký lần đầu ngày 17/05/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 02/11/2011 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 1/1 Tân Kỳ Tân Quý, phường Tân Kỳ, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 là 2.243.111.311 đồng (cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty là 1.937.807.510 đồng).

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi thấy không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Ông	Đặng Quang Trung	Chủ tịch
Ông	Trương Bảo Lộc	Ủy viên
Ông	Nguyễn Phú Hội	Ủy viên
Ông	Trần Văn Hạnh	Ủy viên

Thành viên Ban Kiểm soát tại trong năm và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Ông	Lê Thị Minh Thu	Trưởng ban
Ông	Hoàng Anh Tuấn	Ủy viên
Bà	Dương Duy Phú	Ủy viên

Thành viên của Ban Tổng Giám đốc tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Ông	Trần Văn Hạnh	Tổng Giám đốc
Ông	Nguyễn Văn Trang	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Trần Đại Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA). Kiểm toán viên không có bất kỳ quan hệ kinh tế hoặc quyền lợi kinh tế như góp vốn cổ phần, cho vay hoặc vay vốn từ khách hàng, là cổ đông chi phối của khách hàng hoặc ký kết hợp đồng gia công dịch vụ, đại lý tiêu thụ hàng hóa...

CÔNG TY CỔ PHẦN THỂ THAO NGÔI SAO GERU

Số 1/1 Tân Kỳ Tân Quý, Q.Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

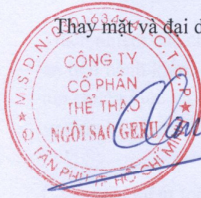
Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Trần Văn Hạnh
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 24 tháng 02 năm 2016



Thành viên Hãng Kiểm toán MGI Quốc tế



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà SUDICO, đường Mỹ Đình 1, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
Tel: (+84 4) 38689 566/88 • Fax: (+84 4) 38686 248 • Web: kiemtoanava.com.vn

Số: 1221/BCKT/TC/NV6

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thể thao Ngôi sao GERU

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thể thao Ngôi sao GERU được lập ngày 24/02/2016, từ trang 6 đến trang 33, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

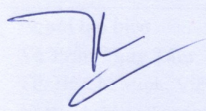
Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		41.107.452.231	38.163.356.265
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		4.157.700.418	1.932.518.097
111	1. Tiền	V.01	4.157.700.418	1.932.518.097
112	2. Các khoản tương đương tiền		0	0
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		0	0
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		17.191.801.760	22.002.289.787
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.02	16.089.481.303	18.394.395.752
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.03	490.706.200	1.366.309.486
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		0	0
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.04	1.097.047.536	2.241.584.549
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(485.433.279)	0
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		0	0
140	IV. Hàng tồn kho	V.05	15.918.965.634	13.567.342.643
141	1. Hàng tồn kho		15.918.965.634	13.567.342.643
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		0	0
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.838.984.419	661.205.738
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.06	3.090.492.566	6.000.000
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		748.491.853	533.473.787
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.07	0	121.731.951
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		0	0
155	5. Tài sản ngắn hạn khác		0	0
200	B - TÀI SẢN DÀI HẠN		8.104.149.829	7.176.248.652
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		0	0
220	II. Tài sản cố định		7.361.634.967	7.134.419.734
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.08	7.337.634.967	7.073.480.278
222	- Nguyên giá		25.412.618.079	27.016.864.976
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(18.074.983.112)	(19.943.384.698)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		0	0
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.09	24.000.000	60.939.456
228	- Nguyên giá		399.392.840	399.392.840
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(375.392.840)	(338.453.384)
230	III. Bất động sản đầu tư		0	0
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		0	0
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		0	0
260	VI. Tài sản dài hạn khác		742.514.862	41.828.918
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.06	742.514.862	41.828.918
268	2. Tài sản dài hạn khác		0	0
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)		49.211.602.060	45.339.604.917

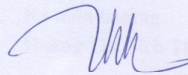
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C - NỢ PHẢI TRẢ		23.597.010.691	21.045.013.548
310	I. Nợ ngắn hạn		23.597.010.691	21.045.013.548
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.10	5.505.584.796	5.286.017.317
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.11	364.249.245	0
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.07	309.830.003	626.466.707
314	4. Phải trả người lao động		916.714.622	706.994.721
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.12	32.709.000	0
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		0	0
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.13	2.322.181.026	1.123.027.303
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.14	13.500.000.000	12.311.000.000
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		0	0
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		645.741.999	991.507.500
330	II. Nợ dài hạn		0	0
400	D - VỐN CHỦ SỞ HỮU		25.614.591.369	24.294.591.369
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.15	25.614.591.369	24.294.591.369
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		22.000.000.000	22.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		22.000.000.000	22.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		0	0
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		0	0
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		0	0
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		2.294.591.369	2.294.591.369
419	5. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		0	0
420	6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		0	0
421	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.320.000.000	0
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước		0	(1.937.807.510)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		1.320.000.000	1.937.807.510
422	8. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		0	0
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		0	0
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)		49.211.602.060	45.339.604.917



Người lập biểu
 Võ Trần Thúy Tâm
 TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Ngày 24 tháng 02 năm 2016



Kế toán trưởng
 Hoàng Thị Bích Thanh

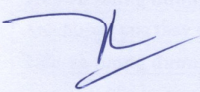


Tổng Giám đốc
 Trần Văn Hạnh

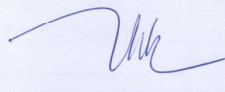
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.01	77.951.292.191	85.479.013.623
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.02	3.702.990.578	3.880.952.134
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV		74.248.301.613	81.598.061.489
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.03	57.554.094.883	64.324.199.858
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV		16.694.206.730	17.273.861.631
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.04	611.270.686	163.533.129
22	7. Chi phí tài chính	VI.05	1.256.815.876	1.098.357.256
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>1.244.964.443</i>	<i>1.071.829.886</i>
25	8. Chi phí bán hàng		4.307.064.185	5.110.666.183
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		8.841.931.541	8.429.032.211
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.899.665.814	2.799.339.110
31	11. Thu nhập khác	VI.06	40.611.937	128.197.182
32	12. Chi phí khác	VI.07	16.003.615	363.262.075
40	13. Lợi nhuận khác		24.608.322	(235.064.893)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.924.274.136	2.564.274.217
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.08	681.162.825	626.466.707
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		0	0
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		2.243.111.311	1.937.807.510
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.09	600	362
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu		600	362




Người lập biểu
Võ Trần Thúy Tâm
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 24 tháng 02 năm 2016



Kế toán trưởng
Hoàng Thị Bích Thanh



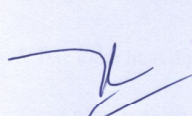

Tổng Giám đốc
Trần Văn Hạnh

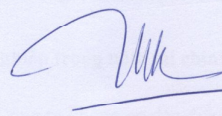
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ NĂM 2015


Theo phương pháp trực tiếp

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	80.528.766.768	83.149.022.258
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá dịch vụ	02	(53.927.101.605)	(64.183.209.758)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(14.689.733.170)	(17.395.833.657)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(1.245.964.443)	(1.071.829.886)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(1.038.966.707)	(604.768.346)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	5.527.705.716	4.061.387.293
7. Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh	07	(11.447.379.022)	(1.949.068.690)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.707.327.537	2.005.699.214
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.600.000.000)	(266.700.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	0	75.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.351.593	9.760.756
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.593.648.407)	(181.939.244)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	0	0
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	0	0
3. Tiền thu từ đi vay	33	14.355.000.000	8.765.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(13.165.000.000)	(10.783.035.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.100.000.000)	(1.100.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	90.000.000	(3.118.035.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	2.203.679.130	(1.294.275.030)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.932.518.097	3.212.547.815
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	21.503.191	14.245.312
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4.157.700.418	1.932.518.097


Người lập biểu
Võ Trần Thúy Tâm
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 24 tháng 02 năm 2016


Kế toán trưởng
Hoàng Thị Bích Thanh


Tổng Giám đốc
Trần Văn Hạnh

